

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/HSST
Ngày: 28-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Hào.

Ông Lê Văn Cao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2018/HS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần A, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1987, tại tỉnh Trà Vinh.

Nơi ĐKKHKT: Số 40 LTK, khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần L (chết) và bà Lâm S (chết); anh, chị, em ruột gồm 03 người: lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất bị cáo; Tiền án: 02 lần, ngày 11/9/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh xử 10 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, sau khi chấp hành xong hình phạt đến ngày 17/01/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 10/11/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt đến ngày 16/7/2018 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác và bị bắt tạm giam ngày 16/8/2018 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Trần B, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 171, khóm S, phường T, thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Hà C, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 49/32/1, khóm X, phường Y, thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

2. Chị Nguyễn D, sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 365 KTN, khóm F, phường G, thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần A đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt ngày 10/11/2017, sau khi trở về địa phương bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 11 giờ, ngày 16/7/2018, bị cáo Trần A cùng với anh Hà C, ngụ tại số 49/32/1, khóm X, phường Y, thành phố P, tỉnh Trà Vinh đang uống cà phê trên đường Kiên Thị Nhẫn thì bị cáo hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát 84B1-20863 của anh C đi công việc. Khi đi ngang công trình xây dựng tại nhà số 134, khóm 2, phường 7, thành phố P, tỉnh Trà Vinh thì phát hiện 03 khung giàn giáo bằng kim loại của anh Trần B, sinh năm 1974, ngụ tại số 171 khóm S, phường T, thành phố P, tỉnh Trà Vinh để tại công trường không có người trông giữ, bị cáo nảy sinh ý định trộm 03 khung giàn giáo bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo A đi vào lấy trộm 03 khung giàn giáo để ra ngoài lề đường rồi dẫn xe trở lại quán cà phê kêu anh C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84B1-20863 chở bị cáo qua đường Phan Đình Phùng. Khi đi ngang công trình xây dựng trên, bị cáo kêu anh C dừng xe lại, bị cáo đến lấy 03 khung giàn giáo để lên xe mô tô biển kiểm soát 84B1-20863 và kêu anh C chở bị cáo và 03 khung giàn giáo qua đường Kiên Thị Nhẫn. Khi đang đi trên đường Kiên Thị Nhẫn đến vừa thu mua phế liệu của chị Nguyễn D, sinh năm 1971 ngụ tại số 365 KTN, khóm F, phường G, thành phố P, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo kêu anh C ngừng xe lại để bị cáo vào trong bán 03 khung giàn giáo trên với giá 240.000 đồng, bị cáo đưa cho anh C 20.000 đồng trả tiền cà phê, còn lại 220.000 đồng bị cáo giữ lại thì bị Công an phường 7, thành phố P phát hiện mời về làm việc, xác minh thì bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng có ý kiến như sau:

Bị cáo Trần A khai và thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội nêu trên.

Bị hại anh Trần B trong quá trình điều tra đã khai và xác định bị cáo Trần A trộm cắp tài sản của anh là 03 khung giàn giáo bằng kim loại đã qua sử dụng. Tại phiên tòa hôm nay anh Trần B có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản bị trộm, do anh đã nhận lại đủ tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 50/BKLDGTS, ngày 23/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P, tỉnh Trà Vinh kết luận: Tài sản bị mất trộm của anh Trần B là 03 khung giàn giáo bằng kim loại đã qua sử

dụng trị giá 500.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản nêu trên.

Về vật chứng: Một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát 84B1-20863 của anh Hà C; 03 khung giàn giáo đã qua sử dụng bị cáo A trộm của anh Trần B, tiền Việt Nam 220.000 đồng của chị Nguyễn D mua 03 khung giàn giáo của bị cáo đã xử lý giao trả lại cho chủ sở hữu xong.

Đối với số tiền 20.000 đồng của chị Nguyễn D mua giàn giáo, do bị cáo trộm cắp mà có, bị cáo đã tiêu xài, chị D không yêu cầu bị cáo trả lại.

Đối với anh Hà C điều khiển xe mô tô chở bị cáo đi lấy trộm 03 khung giàn giáo, anh C không biết bị cáo trộm cắp nên không đặt ra vấn đề xử lý. Chị Nguyễn D mua 03 khung giàn giáo do bị cáo trộm được cũng không biết đây là tài sản bị cáo Trộm cắp mà có nên không đặt ra vấn đề xử lý.

Bản cáo trạng số: 61/CT-VKSTPTV-HS, ngày 03/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Trần A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần A đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm h,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, điểm b, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần A từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/8/2018; về trách nhiệm dân sự bị hại anh Trần B đã nhận lại tài sản là 03 khung giàn giáo không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đưa ra giải quyết; Đối với số tiền 20.000 đồng của chị Nguyễn D, mua giàn giáo, do bị cáo trộm cắp mà có, bị cáo đã tiêu xài, chị D không yêu cầu bị cáo trả lại nên không đưa ra giải quyết; Về vật chứng đã xử lý giao trả lại cho chủ sở hữu xong. Đối với anh Hà C điều khiển xe mô tô chở bị cáo đi lấy trộm 03 khung giàn giáo, anh C không biết bị cáo trộm cắp nên không đặt ra vấn đề xử lý. Chị Nguyễn D mua 03 khung giàn giáo do bị cáo trộm được cũng không biết đây là tài sản bị cáo Trộm cắp mà có nên không đặt ra vấn đề xử lý. Về án phí buộc bị cáo phải chịu theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần A: Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, tỉnh Trà Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tiến hành đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định.

[2] Bị cáo Trần A đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt ngày 10/11/2017, bị cáo chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi lén lút trộm 03 khung giàn giáo bằng kim loại của anh Trần B, sinh năm 1974, ngụ tại số 171 khóm S, phường T, thành phố P, tỉnh Trà Vinh để tại công trường không có người trông giữ. Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì giá trị 03 khung giàn giáo bằng kim loại nêu trên là 500.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: b) Đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*”. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần A đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như kết luận của Viện kiểm sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần A đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo đã nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm, nhưng bị cáo không nghề nghiệp, nghiện ma túy, không lao động mà muốn hưởng thụ. Do ý thức xem thường pháp luật mà dẫn đến phạm tội, với tính chất của vụ án, mức độ phạm tội của bị cáo, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp đã được trả lại cho người bị hại, bị cáo Trần A đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ vào tính chất và mức độ hành vi phạm tội, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo xấu có tiền án nên cần xử phạt bị cáo với mức án tù có thời hạn mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn D không yêu cầu bị cáo bồi thường 20.000 đồng, tiền chị D mua giàn giáo do bị cáo trộm cắp mà có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng: Một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát 84B1-20863 của anh Hà C; 03 khung giàn giáo đã qua sử dụng bị cáo A trộm của anh Trần B; tiền Việt Nam 220.000 đồng của chị Nguyễn D mua 03 khung giàn giáo của bị cáo trộm cắp đã giao trả lại cho chủ sở hữu xong nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Trần A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần A phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, điểm b, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần A 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/8/2018.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Trần B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn D vắng mặt không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Trần A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.P;
- Chi cục THADS TP. P;
- Công an thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ**

Phan Thị Bích Lộc